



xiǎo chuán

小船

noun · small boat

Example Sentences

Hú shàng yǒu yī tiáo xiǎo chuán

湖上有一条小船。

There is a small boat on the lake.

Tā men huá zhe xiǎo chuán qù hé duì àn

他们划着小船去河对岸。

They rowed the small boat to the other side of the river.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
船	船	船	船	船	船	船	船	船	船	船	
船	船	船									